

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20					25			55	100			
1	1826617353	NGUYỄN THỊ KIM THU	D18XDD1B	6					6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
2	1827617327	PHẠM BÁ THẮNG	D18XDD1B	10					10			10	###	Mười		
3	1827617333	HUỖNH ĐỨC HOÀNG HẢI	D18XDD1B	4					6			7	6.2	Sáu phẩy Hai		
4	1827617336	NGUYỄN QUỐC TI	D18XDD1B	0					7			8	6.2	Sáu phẩy Hai		
5	1827617337	NGUYỄN QUỐC NHI	D18XDD1B	10					5			10	8.8	Tám phẩy Tám		
6	1827617338	LÊ ANH TÙNG	D18XDD1B	6					4			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
7	1827617340	ĐỖ ĐỨC THỊNH	D18XDD1B	10					7			10	9.3	Chín phẩy Ba		
8	1827617350	ĐẶNG THÀNH PHONG	D18XDD1B	4					8			6	6.1	Sáu phẩy Một		
9	1827617358	VŨ HỮU UNG	D18XDD1B	8					9			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
10	1827617359	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	D18XDD1B	6					9			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
11	1827617367	NGUYỄN HOÀNG HÀ	D18XDD1B	10					4			10	8.5	Tám phẩy Năm		
12	1827617369	TRẦN VĂN DỤ	D18XDD1B	10					5			7	7.1	Bảy phẩy Một		
13	1827617370	PHAN ĐĂNG LÂM	D18XDD1B	10					4			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
14	1827617371	NGUYỄN CÔNG TÚ	D18XDD1B	8					4			6	5.9	Năm phẩy Chín		
15	1827617372	TRỊNH KHÁNH DƯƠNG	D18XDD1B	8					3			8	6.8	Sáu phẩy Tám		
16	1827617374	VĂN BÁ HÙNG	D18XDD1B	8					3			8	6.8	Sáu phẩy Tám		
17	1827617376	HOÀNG MINH PHƯƠNG	D18XDD1B	8					8			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
18	1827617380	HUỖNH VĂN CỬ	D18XDD1B	6					8			5	6.0	Sáu		
19	1827617383	NGUYỄN NHƯ NGUYỄN	D18XDD1B	4					9			8	7.5	Bảy phẩy Năm		
20	1827617385	HOÀNG VIỆT HẢI	D18XDD1B	6					7			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
21	1827617387	NGUYỄN ĐỨC DUY	D18XDD1B	4					3			10	7.1	Bảy phẩy Một		
22	1827617395	NGUYỄN XUÂN HẠNH	D18XDD1B	4					9			8	7.5	Bảy phẩy Năm		
23	1827617397	THÁI TRƯƠNG DUY MINH	D18XDD1B	4					8			4	5.0	Năm		
24	1827617399	NGUYỄN ĐẮC KHÁNG HUY	D18XDD1B	0					0			V	0.0	Không		
25	1827617400	NGUYỄN VĂN TRUNG	D18XDD1B	4					7			7	6.4	Sáu phẩy Bốn		
26	1827617401	KIỀU QUỐC HÙNG	D18XDD1B	10					8			8	8.4	Tám phẩy Bốn		
27	1827617402	NGUYỄN NHẬT TÂN	D18XDD1B	6					8			5	6.0	Sáu		
28	1827617409	ĐINH NGỌC BẢO	D18XDD1B	2					7			10	7.7	Bảy phẩy Bảy		
29	1827617410	NGUYỄN NGỌC SƠN	D18XDD1B	2					4			10	6.9	Sáu phẩy Chín		
30	1827617411	LÊ ĐÌNH VIỆT LÂM	D18XDD1B	0					6			HP	0.0	Không		
31	1827617414	LƯƠNG ANH TÂM	D18XDD1B	8					9			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
32	1827617419	NGUYỄN VĂN QUỐC	D18XDD1B	6					9			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
33	1827617436	PHẠM VĂN PHONG	D18XDD1B	10					4			6	6.3	Sáu phẩy Ba		
34	1827617437	LÊ MINH THANH	D18XDD1B	0					10			8	6.9	Sáu phẩy Chín		
35	1827617441	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	D18XDD1B	10					8			8	8.4	Tám phẩy Bốn		
36	1827617443	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	D18XDD1B	6					6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
37	1827617445	NGUYỄN VĂN TÚ	D18XDD1B	6					4			5	5.0	Năm		
38	1827617447	PHẠM VĂN ĐÔNG	D18XDD1B	10					10			8	8.9	Tám phẩy Chín		
39	1827617453	TRẦN ANH TUẤN	D18XDD1B	6					5			7	6.3	Sáu phẩy Ba		
40	1827617455	PHAN VĂN ĐÁNG	D18XDD1B	4					6			10	7.8	Bảy phẩy Tám		

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20					25			55	100			
41	169211475	Vũ Văn	Đuẩn	D16XDD1	4					8			9	7.8	Bảy phẩy Tám		
42	1826617412	NGUYỄN THỊ	NHÃ	D18XDD2B	10					10			8	8.9	Tám phẩy Chín		
43	1827617325	TRẦN VIỆT	TOÀN	D18XDD2B	4					7			6	5.9	Năm phẩy Chín		
44	1827617326	HÀ MINH	HẢI	D18XDD2B	8					8			8	8.0	Tám		
45	1827617328	NGUYỄN ANH	QUÂN	D18XDD2B	8					8			8	8.0	Tám		
46	1827617332	TRẦN NGỌC	HOÀNG	D18XDD2B	8					7			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
47	1827617335	NGUYỄN PHẠM NGỌC	PHA	D18XDD2B	2					8			6	5.7	Năm phẩy Bảy		
48	1827617341	VÔ VIỆT	CUÔNG	D18XDD2B	4					8			6	6.1	Sáu phẩy Một		
49	1827617343	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	D18XDD2B	6					7			7	6.8	Sáu phẩy Tám		
50	1827617344	TRẦN MINH	TOÀN	D18XDD2B	8					9			8	8.3	Tám phẩy Ba		
51	1827617355	HUỖNH	CHUNG	D18XDD2B	6					8			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
52	1827617362	NGUYỄN ĐĂNG BẢO	LỘC	D18XDD2B	6					9			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
53	1827617365	NGUYỄN TIẾN	DANH	D18XDD2B	2					10			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
54	1827617377	VÔ VĂN	VŨ	D18XDD2B	4					7			8	7.0	Bảy		
55	1827617379	LÊ THANH	XUÂN	D18XDD2B	0					0			HP	0.0	Không		
56	1827617381	LÊ QUANG	KHA	D18XDD2B	10					9			5	7.0	Bảy		
57	1827617388	ĐẶNG KIM	TỐI	D18XDD2B	6					7			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
58	1827617389	BÙI VĂN	QUỐC	D18XDD2B	0					9			8	6.7	Sáu phẩy Bảy		
59	1827617392	ĐOÀN KIM	DUNG	D18XDD2B	4					6			8	6.7	Sáu phẩy Bảy		
60	1827617393	LÊ PHƯỚC	HẢI	D18XDD2B	8					8			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
61	1827617396	NGUYỄN XUÂN	THỨC	D18XDD2B	4					10			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
62	1827617403	NGUYỄN HẢI	HÙNG	D18XDD2B	2					9			8	7.1	Bảy phẩy Một		
63	1827617415	CHÂU HIẾU	TRUNG	D18XDD2B	6					5			6	5.8	Năm phẩy Tám		
64	1827617417	LÊ MINH	TUẤN	D18XDD2B	8					9			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
65	1827617418	HOÀNG NGUYỄN XUÂN	NAM	D18XDD2B	6					10			8	8.1	Tám phẩy Một		
66	1827617421	TRẦN VĂN	MẠNH	D18XDD2B	8					9			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
67	1827617423	TRƯƠNG	SƠN	D18XDD2B	4					10			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
68	1827617424	ĐOÀN NGỌC	PHƯỚC	D18XDD2B	6					8			5	6.0	Sáu		
69	1827617425	NGUYỄN HỮU	VIỆT	D18XDD2B	6					10			10	9.2	Chín phẩy Hai		
70	1827617426	PHẠM XUÂN	THẮNG	D18XDD2B	6					7			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
71	1827617428	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	D18XDD2B	0					0			HP	0.0	Không		
72	1827617430	PHAN CHÍ	LÂM	D18XDD2B	8					9			10	9.4	Chín phẩy Bốn		
73	1827617433	ĐOÀN LÊ VIỆT	ĐỨC	D18XDD2B	8					9			5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
74	1827617439	NGÔ THANH	ĐẠI	D18XDD2B	8					9			8	8.3	Tám phẩy Ba		
75	1827617448	TRẦN MINH	TOÀN	D18XDD2B	10					9			8	8.7	Tám phẩy Bảy		
76	1827617450	NGUYỄN HỮU	THỌ	D18XDD2B	6					10			10	9.2	Chín phẩy Hai		
77	1827617451	LÊ THIÊN	CUÔNG	D18XDD2B	2					10			5	5.7	Năm phẩy Bảy		
78	1827617452	TRẦN QUỐC	LAN	D18XDD2B	2					9			5	5.4	Năm phẩy Bốn		
79	1827617456	HUỖNH VĂN	LANH	D18XDD2B	2					7			8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
80	1826617346	VÔ THỊ ANH	THI	D18XDD3B	8					8			6	6.9	Sáu phẩy Chín		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20					25			55	100			
81	1827617324	NGUYỄN DUY ANH MINH	D18XDD3B	7					7			5	5.9	Năm phẩy Chín		
82	1827617330	HOÀNG KỶ GIANG	D18XDD3B	0					0			HP	0.0	Không		
83	1827617331	NGUYỄN TRẦN THÀNH ĐOÀN	D18XDD3B	8					6			5	5.9	Năm phẩy Chín		
84	1827617334	MAI HỒNG THỊNH	D18XDD3B	2					5			6	5.0	Năm		
85	1827617339	VÕ NHẬT HUY	D18XDD3B	7					6			8	7.3	Bảy phẩy Ba		
86	1827617342	NGUYỄN KIÊN TÙNG	D18XDD3B	4					10			9	8.3	Tám phẩy Ba		
87	1827617345	LÊ HỒNG THANH	D18XDD3B	2					3			8	5.6	Năm phẩy Sáu		
88	1827617348	NGUYỄN VĂN LỘC	D18XDD3B	10					7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
89	1827617351	BÙI VIỆT TÂN	D18XDD3B	5					8			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
90	1827617352	PHẠM THANH TÂM	D18XDD3B	7					4			0	0.0	Không		
91	1827617354	PHAN THÁI THỤY	D18XDD3B	8					6			4	5.3	Năm phẩy Ba		
92	1827617356	ĐỖ NGUYỄN LỢI	D18XDD3B	6					8			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
93	1827617357	VÕ NHƯ Ý	D18XDD3B	8					9			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
94	1827617360	NGUYỄN VĂN KIÊN CƯỜNG	D18XDD3B	7					7			10	8.7	Tám phẩy Bảy		
95	1827617361	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	D18XDD3B	10					7			8	8.2	Tám phẩy Hai		
96	1827617363	PHAN NHẬT VŨ	D18XDD3B	9					9			8	8.5	Tám phẩy Năm		
97	1827617364	NGUYỄN CÔNG THANH TÙNG	D18XDD3B	8					7			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
98	1827617373	TRẦN NGỌC ĐỨC TÂM	D18XDD3B	8					6			4	5.3	Năm phẩy Ba		
99	1827617378	ĐINH VĂN TÂM	D18XDD3B	9					7			10	9.1	Chín phẩy Một		
100	1827617382	NGUYỄN TÂN DUY	D18XDD3B	10					5			9	8.2	Tám phẩy Hai		
101	1827617390	ĐINH NHƯ HIẾU	D18XDD3B	7					4			8	6.8	Sáu phẩy Tám		
102	1827617391	HÀ XUÂN NINH	D18XDD3B	7					8			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
103	1827617394	NGÔ HỮU KHÁNH	D18XDD3B	6					4			7	6.1	Sáu phẩy Một		
104	1827617404	TRẦN ANH ĐÀO	D18XDD3B	4					9			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
105	1827617405	DOÃN PHƯỚC THÀNH	D18XDD3B	5					6			6	5.8	Năm phẩy Tám		
106	1827617406	LÊ QUANG THẠNH	D18XDD3B	10					10			4	6.7	Sáu phẩy Bảy		
107	1827617413	HOÀNG MINH DƯƠNG	D18XDD3B	2					9			6	6.0	Sáu		
108	1827617416	CAO TÂN TÀI	D18XDD3B	6					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy		
109	1827617427	TRẦN THANH VINH	D18XDD3B	9					4			10	8.3	Tám phẩy Ba		
110	1827617432	DƯƠNG VĂN SÁU	D18XDD3B	8					9			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
111	1827617434	BÙI ĐỨC HẢI	D18XDD3B	10					7			8	8.2	Tám phẩy Hai		
112	1827617438	NGUYỄN QUỲNH TRIN	D18XDD3B	8					7			9	8.3	Tám phẩy Ba		
113	1827617440	NGUYỄN ĐỨC THỜI	D18XDD3B	4					7			8	7.0	Bảy		
114	1827617442	TRẦN VĂN NGỘ	D18XDD3B	9					7			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
115	1827617444	TRẦN ĐÌNH CÔNG	D18XDD3B	6					6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
116	1827617446	TRẦN MINH XUÂN	D18XDD3B	10					7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
117	1827617449	LÊ TRỌNG DƯƠNG	D18XDD3B	0					4			8	5.4	Năm phẩy Bốn		
118	179213597	NGUYỄN VĂN KIỀU	D18XDD3B	8					6			8	7.5	Bảy phẩy Năm		
119	169211495	DƯƠNG QUỐC HOÀNG	D18XDD3B	0					0			V	0.0	Không		
120	179123517	Phạm Công Toàn	D17TPMB	2					4			8	5.8	Năm phẩy Tám		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20					25				55	100		
121	169212442	Nguyễn Thanh Huy	D16XDDB	5					5			9	7.2	Bảy phẩy Hai		
122	179322485	Trần Thị Hồng Hạnh	D17KDN1	5					5			10	7.8	Bảy phẩy Tám		
123	132214628	Lê Xuân Anh	K13XDD3	8					7			10	8.9	Tám phẩy Chín		
124	169212461	Lê Hải Tịnh Quang	D16XDDB	5					7			8	7.2	Bảy phẩy Hai		
125	179312433	Phan Thị Thanh Vân	D17KKT1	6					8			7	7.1	Bảy phẩy Một		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	118	94%	
2	Số sinh viên nợ	7	6%	
TỔNG CỘNG :		125	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 12 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Phùng Văn Thường

Lê Đức Trọng

ThS. Nguyễn Ân